

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2020/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ về sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động sáng kiến và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2020.

2. Quyết định này thay thế các quyết định:

a) Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định xét, công nhận và quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND, ngày 09/12/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định tại Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Tổng Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về hoạt động sáng kiến và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định chi tiết về điều kiện, thủ tục công nhận sáng kiến; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu; xét công nhận phạm vi và hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học; các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến và quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “*Sáng kiến*” là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

2. “*Hoạt động sáng kiến*” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.

3. “*Chuyển giao sáng kiến*” là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.

4. “*Áp dụng sáng kiến lần đầu*” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.

5. “*Cơ sở*” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

6. “*Tác giả sáng kiến*” là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

7. “*Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến*” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí,

phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

Điều 3. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ. Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được hiểu như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: vật thể (ví dụ: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện); chất (ví dụ: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); vật liệu sinh học (ví dụ: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi;

b) Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu);

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;

d) Phương pháp huấn luyện động vật; ...

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 4. Các đối tượng không được công nhận là sáng kiến

1. Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp đó trái với pháp luật, trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;

2. Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

Điều 5. Tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến

1. Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước;

b) Giải pháp đăng ký sáng kiến chưa bị bộc lộ công khai trong phạm vi cơ sở (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ) nếu giải pháp đó chưa được biết đến và chưa có giải pháp nào của người khác trùng với giải pháp đó được mô tả trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai trong cơ sở đó, đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

c) Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;

d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

2. Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người).

Điều 6. Yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

Điều 7. Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến

Cơ sở quy định tại khoản 5 Điều 2 quy định này có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến, bao gồm:

1. Pháp nhân, là tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 74 của Bộ luật Dân sự, cụ thể:

a) Được thành lập hợp pháp;

b) Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;

c) Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;

d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

(Ví dụ: Trường học, Chi cục, Trung tâm, xã, phường, thị trấn...)

2. Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập (ví dụ: hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư...).

3. Các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng, hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên (ví dụ: các chi nhánh của doanh nghiệp, các trung tâm trực thuộc tập đoàn, tổng công ty của Nhà nước...), và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ (ví dụ: quy định trong quy chế về hoạt động sáng kiến ở cơ sở).

Chương II**XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN VÀ PHẠM VI HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC****Điều 8. Tiếp nhận, xem xét đơn, xét công nhận sáng kiến**

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và mẫu đơn có thể áp dụng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Việc tiếp nhận và xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và quy định cụ thể sau đây:

a) Cơ sở tiếp nhận đơn có thể ghi nhận vào Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (nếu có) và trao cho người nộp đơn Giấy biên nhận đơn (Có thể áp dụng theo mẫu quy định tại phụ lục II Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ), trong đó ghi rõ thời gian trả lời

kết quả công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Điều lệ Sáng kiến;

b) Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có); giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 30 ngày để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại;

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định;

c) Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

4. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận. Cơ sở xét công nhận sáng kiến đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và 5 của quy định này và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến cho tác giả sáng kiến/đồng tác giả, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Từ chối công nhận sáng kiến trong trường hợp đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 và 5 của quy định này và thông báo bằng văn bản cho tác giả sáng kiến, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

5. Giấy chứng nhận sáng kiến có thể sử dụng mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ cho chủ đơn có sáng kiến được công nhận và tự quyết định việc công bố công khai giải pháp đã được công nhận là sáng kiến để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng sáng kiến có thể tiếp cận được các thông tin liên quan đến sáng kiến.

6. Việc xét công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định.

7. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý

theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ tại địa phương nơi cơ sở đó đóng trụ sở hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

Điều 9. Hủy bỏ sáng kiến đã được công nhận

Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến ra quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả/đồng tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

1. Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả/đồng tác giả sáng kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

2. Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 và 5 của Quy định này hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Điều 10. Hội đồng sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến có thể thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

2. Sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì sáng kiến đó phải được đánh giá thông qua Hội đồng sáng kiến và tác giả sáng kiến đó không được là thành viên Hội đồng sáng kiến.

3. Hội đồng sáng kiến thành lập theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến. Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng.

4. Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan,

trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 3 và 5 quy định này và lập biên bản, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín của Hội đồng.

Điều 11. Xét và đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và phạm vi toàn quốc

1. Việc trình đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và phạm vi toàn quốc quy định tại khoản 1 và 2 Điều 9, Điều 22, 23 và 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ do thủ trưởng cơ sở xét công nhận sáng kiến thực hiện. Việc xét đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và phạm vi toàn quốc phải được thực hiện thông qua Hội đồng xét và đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và phạm vi toàn quốc (Sau đây gọi tắt là Hội đồng).

a. Thường trực Hội đồng là Sở Khoa học và Công nghệ.

b. Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

c. Thành phần, số lượng thành viên của Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Trong đó gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng và Tổ thư ký, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực khoa học và công nghệ;

- Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

- Các thành viên Hội đồng là đại diện các cơ quan: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Ban thi đua khen thưởng tỉnh; một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và một số cơ quan khối Đảng.

- Tổ thư ký giúp việc cho thường trực Hội đồng (03 người) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học vận dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Hội đồng được sử dụng con dấu và tài khoản của Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan thường trực thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng.

Điều 12. Xét và đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở cấp cơ sở

1. Các Sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND huyện, thành phố xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến tại cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ. Việc xét đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến tại cơ sở phải được thực hiện thông qua Hội đồng (Đối với UBND huyện, thành phố việc trình đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở cấp cơ sở do thủ trưởng cơ sở xét công nhận sáng kiến thực hiện).

a. Thường trực Hội đồng:

- Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh: Thường trực Hội đồng là phòng/bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng (hoặc phòng/bộ phận làm công tác khoa học và công nghệ).

- Đối với Ủy ban nhân dân các huyện: Thường trực Hội đồng là Phòng kinh tế hạ tầng; đối với Ủy ban nhân dân thành phố là Phòng Kinh tế.

b. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố ra quyết định thành lập Hội đồng.

c. Thành phần, số lượng thành viên của Hội đồng do Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố quyết định. Trong đó gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng.

- Chủ tịch Hội đồng: Là lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh; là lãnh đạo UBND huyện, thành phố.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh là trưởng phòng/bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng (hoặc phòng/bộ phận làm công tác khoa học và công nghệ). Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là trưởng phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý khoa học và công nghệ.

- Các ủy viên gồm: Đại diện cấp ủy Đảng; đoàn thể; đơn vị, phòng, ban chuyên môn.

- Thư ký Hội đồng: Sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh là chuyên viên phòng/bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng (hoặc phòng/bộ phận làm công tác khoa học và công nghệ). Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là chuyên viên phòng/bộ phận làm công tác quản lý khoa học và công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở cấp cơ sở vận dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Hội đồng: Các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh được sử

dụng con dấu và tài khoản của mình; cấp huyện, thành phố được sử dụng con dấu của cơ quan thường trực Hội đồng để thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng.

Điều 13. Nguyên tắc, chế độ làm việc, nhiệm vụ của Hội đồng và của cơ quan thường trực Hội đồng

1. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quyết định triệu tập họp định kỳ hoặc đột xuất.

2. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận công khai và biểu quyết thống nhất trong tập thể.

Khi cần thiết, Hội đồng mời cá nhân đề nghị xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đến giải trình và làm rõ về phạm vi và hiệu quả mang lại khi áp dụng sáng kiến hoặc đề tài.

3. Các kỳ họp của Hội đồng được thực hiện khi có ít nhất 2/3 số thành viên dự họp.

4. Các thành viên Hội đồng vì lý do không tham dự cuộc họp thì có trách nhiệm thông báo với Thường trực, gửi ý kiến của mình về các nội dung cuộc họp bằng văn bản về Thường trực Hội đồng trước buổi họp để tổng hợp.

5. Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức đánh giá, xét duyệt một cách khách quan, trung thực phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến đã được công nhận và đề tài khoa học đã được đánh giá nghiệm thu mức đạt trở lên theo quy định tại điểm d và g khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Sáng kiến và đề tài khoa học chỉ được công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu đồng ý. Các cuộc họp của Hội đồng phải được lập thành biên bản, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả bỏ phiếu kín của các thành viên hội đồng.

6. Các thành viên của Hội đồng thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật thông tin có liên quan đến sáng kiến được đề nghị công nhận.

7. Cơ quan thường trực Hội đồng

a. Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị yêu cầu công nhận phạm vi và hiệu quả của sáng kiến, đề tài khoa học vào sổ đăng ký và cấp Giấy biên nhận cho người nộp đơn.

b. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ hợp lệ tiến hành tổ chức Hội đồng xem xét và đánh giá việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến, đề tài khoa học theo các quy định của Điều lệ Sáng kiến và quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của

Bộ Khoa học và Công nghệ, cụ thể:

- Phân loại yêu cầu công nhận theo lĩnh vực hoặc chuyên ngành (Sau đây gọi tắt là hội đồng chuyên ngành).

- Hội đồng chuyên ngành giúp việc cho Hội đồng. Hội đồng chuyên ngành có trách nhiệm giúp Hội đồng tổng hợp và xác minh tính trung thực của hồ sơ để tham mưu cho Hội đồng. Việc thành lập Hội đồng chuyên ngành do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành phần và quyết định về số lượng thành viên.

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, nội dung, chương trình cuộc họp trình Chủ tịch Hội đồng quyết định. Gửi giấy mời và sao tài liệu gửi cho các thành viên Hội đồng cuộc họp Hội đồng thường kỳ được gửi đến các thành viên trước, ít nhất là 05 ngày làm việc để các thành viên nghiên cứu, thẩm định trước khi họp chính thức.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá, xét duyệt của Hội đồng và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét công nhận.

- Có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đơn và các tài liệu của Hội đồng theo quy định.

- Hàng năm, lập dự toán chi cho các hoạt động của Hội đồng xét và đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học; hội đồng lĩnh vực hoặc chuyên ngành trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU

Điều 14. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến;

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

b) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ Sáng kiến;

c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thỏa thuận khác;

đ) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến có quyền áp dụng sáng kiến và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều này, nhưng không có quyền ngăn cấm người khác thực hiện việc áp dụng và chuyển giao sáng kiến ngoài phạm vi cơ sở.

4. Tổ chức, cá nhân áp dụng sáng kiến phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu việc áp dụng sáng kiến đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác.

Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến cho người khác áp dụng và việc áp dụng sáng kiến đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác, thì chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến (bên chuyển giao) chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên nhận chuyển giao do việc áp dụng sáng kiến đó gây ra, nếu giữa các bên có thỏa thuận như vậy trong hợp đồng chuyển giao sáng kiến.

5. Tác giả sáng kiến không có quyền áp dụng hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác nếu có thỏa thuận như vậy giữa chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và tác giả sáng kiến, thể hiện trong các văn bản sau đây:

a) Hợp đồng (ví dụ: thỏa thuận riêng bằng văn bản về quyền áp dụng và chuyển giao sáng kiến, hợp đồng đầu tư để tạo ra sáng kiến, hợp đồng thuê việc, hợp đồng lao động, hợp đồng tuyển dụng...);

b) Các quy định của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến mà tác giả là người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức phải tuân thủ (ví dụ: quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động, quy chế về hoạt động sáng kiến...).

Trường hợp có sự khác nhau trong quy định giữa các văn bản nêu tại điểm a và điểm b của khoản này thì áp dụng quy định theo thỏa thuận giữa các bên nêu tại điểm a khoản này.

6. Việc chuyển giao sáng kiến được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên, theo quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, hợp đồng chuyển giao công nghệ, tùy thuộc vào nội dung thỏa thuận và sáng kiến được chuyển giao.

7. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng

kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

8. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến quy định tại khoản 1 và 2 Điều này không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật.

Điều 15. Thỏa thuận về việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến, cho người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu quy định tại khoản 1 Điều 10 của Điều lệ Sáng kiến được thực hiện theo thỏa thuận giữa chủ đầu tư tạo ra sáng kiến với tác giả, giữa chủ đầu tư tạo ra sáng kiến với người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu, được hiểu là giữa các bên có thỏa thuận về việc có hay không trả thù lao, cách thức trả thù lao, mức thù lao, thời gian, thời hạn trả thù lao, thể hiện trong các văn bản quy định tại khoản 5 Điều 14 quy định này.

2. Trường hợp giữa các bên không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được về việc trả thù lao thì áp dụng quy định tại Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

Điều 16. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm từ tất cả các khoản lợi trực tiếp có được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.

2. Tiền làm lợi trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

3. Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 17. Nghĩa vụ của tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Tác giả sáng kiến có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ các thông tin về sáng kiến đến mức có thể áp dụng được cho cơ sở công nhận sáng kiến;

b) Tham gia triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu;

c) Giữ bí mật thông tin về sáng kiến theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật;

d) Trả thù lao cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ trong trường hợp tác giả đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp các thông tin chi tiết về việc áp dụng sáng kiến cho tổ chức xét công nhận sáng kiến;

b) Giữ bí mật thông tin theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Trong trường hợp đối tượng là sáng kiến đã được công nhận, sau đó được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì từ thời điểm quyền sở hữu trí tuệ được xác lập, các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ được áp dụng đối với đối tượng đó, thay thế các quy định về sáng kiến.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 19. Phổ biến sáng kiến

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực và địa bàn quản lý của mình:

1. Tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

2. Khuyến khích các cơ sở có sáng kiến được công nhận, tác giả sáng kiến tự đầu tư kinh phí tạo ra sáng kiến phổ biến, chuyển giao sáng kiến cho các cơ sở khác trên địa bàn;

3. Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

4. Công bố, phổ biến, áp dụng các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật.

Điều 20. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Tổ chức tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến: Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

2. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đơn vị cơ sở tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo, như sau:

a) Tổ chức các Hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo;

b) Phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo trong đơn vị cơ sở.

3. Các cơ sở công nhận sáng kiến, các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội; UBND các huyện, thành phố; tổ chức sản xuất kinh doanh có thể áp dụng các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến như:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến;

c) Hỗ trợ về thủ tục và kinh phí cho sáng kiến là (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp) bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Điều 21. Chi phí cho hoạt động sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

1. Nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung quy định tại Điều 8; khoản 1 Điều 14; Điều 15 và khoản 1, 2 và 3 Điều 16 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.

2. Kinh phí chi cho Hội đồng xét và đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến, đề tài khoa học; Hội đồng lĩnh vực hoặc chuyên ngành được áp dụng bằng mức chi cho Hội đồng sáng kiến (Áp dụng khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung và định mức chi cho hội đồng sáng kiến).

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sáng kiến của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố, tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động Sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách, các biện pháp phù hợp để khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quần chúng lao động tham gia các hoạt động sáng tạo, góp phần làm lợi cho xã hội và phát huy năng lực của mỗi cá nhân; phổ biến, nhân rộng việc áp dụng các Sáng kiến được tạo ra hoặc đề xuất với UBND tỉnh cho phép áp dụng những Sáng kiến và giải pháp có hiệu quả cao về kinh tế - xã hội vào sản xuất và đời sống.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về hoạt động Sáng kiến cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động Sáng kiến cho các tổ chức, cán bộ làm công tác quản lý hoạt động Sáng kiến thuộc các ngành, địa phương và cơ sở. Thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động Sáng kiến của địa phương, đơn vị.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký, triển khai, áp dụng, chuyển giao và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với các Sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài.

5. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về Sáng kiến của các cơ sở công nhận sáng kiến. Xử lý, đề xuất để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động Sáng kiến theo quy định hiện hành; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân trong hoạt động Sáng kiến.

6. Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và phạm vi toàn quốc.

7. Định kỳ hàng năm, tổng hợp hoạt động Sáng kiến của sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, UBND các huyện, thành phố và tổ chức sản xuất kinh doanh báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định (Mẫu báo cáo theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho Ủy ban nhân dân

tình trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung, mức chi cụ thể cho hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành.

2. Hàng năm cân đối nguồn kinh phí để đảm bảo thực hiện công tác chi cho hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành.

Điều 24. Các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội; UBND các huyện, thành phố và tổ chức sản xuất kinh doanh

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội; UBND các huyện, thành phố, tổ chức sản xuất kinh doanh có trách nhiệm phối hợp tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động Sáng kiến.

2. Kiến nghị với Sở Khoa học và Công nghệ các biện pháp để triển khai việc thi hành các cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động Sáng kiến và lập kế hoạch, tổ chức thực hiện để phát triển hoạt động Sáng kiến.

3. Tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về hoạt động Sáng kiến. Chỉ đạo tổ chức triển khai nhân rộng các Sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận nhằm khuyến khích phong trào lao động, phát huy Sáng kiến của tổ chức, cá nhân trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

4. Các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội; UBND các huyện, thành phố và tổ chức sản xuất kinh doanh công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến cấp cơ sở.

5. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo định kỳ hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động Sáng kiến (Mẫu báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

6. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thanh tra, kiểm tra về hoạt động Sáng kiến trên địa bàn quản lý.

Điều 25. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng và các quy định hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng, các cơ quan, tổ chức, địa phương thực hiện khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các tác giả Sáng kiến và cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong lãnh đạo, chỉ đạo, phát triển, nhân rộng, thúc đẩy các hoạt động Sáng kiến.

2. Các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến Sáng kiến và Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Các sở, ban, ngành; các đoàn thể chính trị - xã hội; UBND các huyện, thành phố; tổ chức sản xuất kinh doanh căn cứ chức năng nhiệm vụ để cụ thể hóa các nội dung phù hợp với điều kiện thực tế thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Tổng Thanh Hải